

Thứ ba, ngày 31 tháng 10 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### Áp lực bán mạnh cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/10/2023	•		
Tuần 30/10-03/11/2023	•		
Tháng 11/2023		•	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** Gần như cả ngày hôm nay, VN-Index giao dịch trong vùng 1,035 – 1,045. Tuy nhiên, lực bán đột nhiên mạnh hơn về cuối phiên chiều, đẩy chỉ số xuống ngưỡng 1,020. Lực cầu bắt đáy đã xuất hiện tại đây và đưa chỉ số lên kết phiên tại mốc 1,028.19 điểm, giảm hơn 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất thuộc về ngành Bán lẻ, theo sau là Dịch vụ tài chính, Hóa chất,... Ở chiều ngược lại, ngành Ngân hàng có phiên giao dịch khá tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, diễn biến của thị trường sẽ phụ thuộc vào dòng tiền bắt đáy trong vùng 1,025 – 1,035.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30 trừ HĐTL VN30F2403. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 31/10/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **-14.21** điểm, đóng cửa **1028.19** điểm. HNX-Index **-5.17** điểm, đóng cửa **206.17** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.28)**, **SSB (+0.28)**, **VNM (+0.21)**, **VPB (+0.2)**, **VIB (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.23)**, **GVR (-1.04)**, **BID (-0.99)**, **MWG (-0.95)**, **VIC (-0.93)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,631** tỷ đồng, tăng **54.49%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **14,882** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **25.01** điểm. Thị trường có **66** mã tăng, **52** mã tham chiếu, **448** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **306.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (94.36** tỷ), **PVD (51.54** tỷ), **DCM (50.68** tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **66.21** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-2.52%**. Các mã diễn biến tích cực: **VCB (+1.05%)**, **MBB (+0.59%)**, **VNM (+0.59%)**
- BSC50 **-3.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **VIB (+1.70%)**, **LPB (+1.38%)**, **FRT (+0.69%)**

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Ngân hàng	0.16%	Công nghệ Thông	-2.38%
Tài nguyên Cơ bản	-0.44%	Dầu khí	-3.13%
Du lịch và Giải trí	-0.46%	Hàng & Dịch vụ	-3.43%
Bảo hiểm	-0.51%	Xây dựng và Vật liệu	-3.96%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.73%	Hóa chất	-4.46%
Y tế	-1.18%	Dịch vụ tài chính	-4.73%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.72%	Bán lẻ	-5.63%
Thực phẩm và đồ uống	-1.87%	VN30	-0.79%
Ô tô và phụ tùng	-1.99%	VNMID	-2.75%
Bất động sản	-2.11%	VNSML	-2.83%
Truyền thông	-2.26%		

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1028.19**  
 Giá trị: 13630.63 tỷ **-14.21 (-1.36%)**  
 Khối ngoại (ròng): 306.59 tỷ

**HNX-INDEX** **206.17**  
 Giá trị: 1814.8 tỷ **-5.17 (-2.45%)**  
 Khối ngoại (ròng): 66.21 tỷ

**UPCOM-INDEX** **80.93**  
 Giá trị: 513.74 tỷ **-1.35 (-1.64%)**  
 Khối ngoại (ròng): 9.52 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	87.9	-2.81%
Giá vàng	1,996	-0.48%
Tỷ giá USD/VND	24,565	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,114	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	163.36	-0.84%
LS liên NH 1 tháng	2.66%	
LS TPCP 5 năm	1.99%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	94.36	VHM	-257.88
PVD	51.54	MWG	-78.43
DCM	50.68	STB	-47.49
FRT	49.78	MSN	-42.37
DGC	46.15	HDB	-24.83

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 31/10/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	82.65	-3.38%	-3.32%	-5.18%	-3.22%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	87.94	-2.81%	-2.11%	-3.06%	-3.39%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	-3.62%	-4.28%	-7.60%	-9.36%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.33	-4.47%	1.66%	2.92%	-49.64%		
TTF Gas	EUR/MWh	50.55	0.03%	-1.42%	28.50%	-59.02%		
Vàng	Ounce	1,996.06	-0.48%	1.19%	9.23%	22.22%		PNJ
Bạc	Ounce	23.31	0.72%	1.42%	10.62%	21.77%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,282.75	-1.12%	-0.31%	0.45%	-9.63%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.86	0.06%	0.00%	-8.32%	-22.70%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	145.00	-0.07%	-0.28%	3.57%	23.40%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.75	-2.16%	-2.66%	1.52%	48.86%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	417.50	5.70%	0.85%	-2.40%	-31.28%		DPM, DCM
Niken	LB	18,152.00	0.00%	1.14%	-1.81%	-16.37%		PC1
Đồng	LB	3.65	0.34%	2.06%	0.35%	8.08%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,550.00	0.00%	-4.14%	-17.48%	-3.77%		CSV
Thép	CNY/ton	3,707.00	0.90%	3.17%	2.35%	7.02%		HPG
Nhôm	Ton	2,269.00	2.21%	4.27%	-2.24%	2.12%	CAV, SAM, TGP, VTH	

### Thông tin nổi bật

#### Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 30/10, dầu thô Brent giảm 2.81% xuống 87.94 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 3.38% xuống 82.65 USD/thùng.
- Giá dầu giảm hơn 3%, do giảm bớt lo ngại cuộc xung đột Israel-Hamas sẽ làm gián đoạn nguồn cung từ khu vực này, cùng với đó là các nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong tuần này.

#### Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.48% xuống 1,996.06 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 12/2023 trên sàn New York tăng 0.4% lên 2,005.6 USD/ounce.
- Giá vàng dao động gần ngưỡng 2,000 USD/ounce, được hỗ trợ bởi nhu cầu vàng là tài sản trú ẩn an toàn, trong bối cảnh xung đột Trung Đông, trong khi những người tham gia thị trường hướng tới cuộc họp chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong tuần này.

#### Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2024 trên sàn Đại Liên tăng 2.51% lên 900 CNY/tấn – cao nhất kể từ ngày 3/4/2023. Đồng thời, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 11/2023 trên sàn Singapore tăng 1.45% lên 121.4 USD/tấn – cao nhất kể từ ngày 25/9/2023.
- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên đạt ngưỡng quan trọng 900 CNY (122.98 USD)/tấn, được thúc đẩy bởi nhu cầu tăng mạnh và sự lạc quan sau quyết định triển khai kích thích của nước tiêu dùng hàng đầu – Trung Quốc.

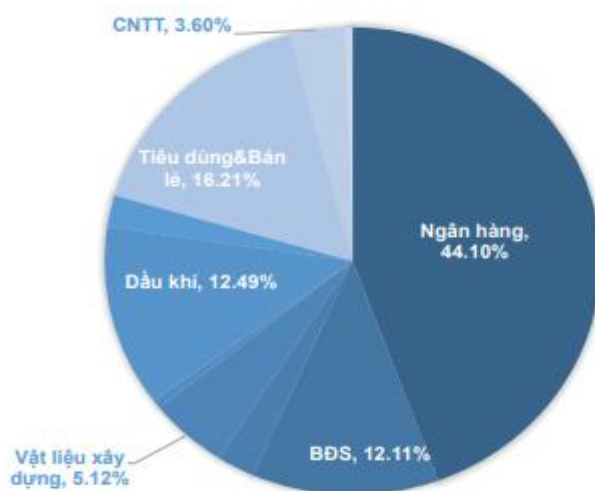
#### Giá hàng hóa khác

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 trên sàn ICE giảm 0.59 US cent tương đương 2.2% xuống 26.75 US cent/lb. Đồng thời, giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2023 trên sàn London giảm 16.4 USD tương đương 2.2% xuống 725.4 USD/tấn
- Giá đậu tương tại Mỹ giảm 1%, do hoạt động bán ra chốt lời và mưa tại khu vực sản xuất trọng điểm Nam Mỹ có lợi cho cây trồng.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	86.8	1.0%	0.9	19,745	4.8	5,797	15.0	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	40.2	-2.0%	0.6	8,276	0.9	4,025	10.0	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	20.0	0.5%	1.0	6,458	5.6	1,727	11.6	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	27.7	-1.4%	1.5	3,965	6.9	5,059	5.5	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	17.1	0.6%	1.3	3,629	4.6	3,496	4.9	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	27.0	0.0%	0.9	2,072	30.8	3,600	7.5	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BĐS KCN	16.9	-6.1%	1.8	2,751	1.6	714	23.7	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BĐS KCN	25.5	-4.0%	1.7	797	9.8	4,368	5.8	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN	42.5	-3.0%	1.6	571	8.5	3,969	10.7	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BĐS KCN	42.4	-6.9%	1.9	773	3.0	2,651	16.0	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	2.0	5,443	19.5	(328)	-70.1	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	39.0	-0.5%	1.4	6,912	12.2	10,341	3.8	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BĐS	22.2	-3.9%	1.2	2,053	5.3	1,588	14.0	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	28.6	0.0%	1.7	930	1.7	1,280	22.3	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	30.3	-6.8%	1.4	474	2.8	1,582	19.2	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	79.0	-3.1%	1.6	1,221	12.1	10,728	7.4	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	28.4	-6.9%	0.9	452	4.4	6,403	4.4	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	27.0	0.0%	1.2	582	6.3	4,286	6.3	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	76.6	0.0%	0.6	7,160	1.1	5,567	13.8	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	31.9	-2.9%	0.9	1,650	1.3	2,125	15.0	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	33.0	-5.7%	1.1	642	14.6	1,953	16.9	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	23.6	-3.9%	1.4	533	10.3	449	52.5	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	10.6	-2.3%	0.7	1,010	2.3	602	17.6	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	68.0	0.6%	0.5	5,784	6.0	3,935	17.3	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	58.2	0.3%	1.2	3,389	6.9	916	63.5	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	37.7	-6.9%	1.7	2,244	20.3	1,069	35.3	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	72.0	-1.2%	0.7	961	1.4	5,503	13.1	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	63.0	-6.4%	0.7	470	2.1	7,080	8.9	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	59.0	-2.5%	0.6	735	2.5	7,470	7.9	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	83.0	-2.4%	0.7	4,290	10.4	4,573	18.1	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	27.7	0.20%	0.9	5,418	3.2	3,664	7.6	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.4	0.5%	0.9	3,383	3.0	3,722	5.7	1.3	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.2	0.0%	0.8	2,025	5.5	2,765	6.2	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	14.6	1.4%	0.9	1,525	2.2	1,410	10.4	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	17.9	1.7%	1.3	1,848	2.6	3,534	5.1	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	16.3	-5.8%	2.0	808	18.4	467	34.9	1.3	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	15.8	-1.2%	1.1	1,416	1.9	2,697	5.9	1.1	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	25.8	-6.4%	1.5	1,571	38.2	1,090	23.6	1.8	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	13.9	-2.1%	1.9	161	4.1	318	43.7	5.6	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	9.8	-3.9%	1.8	0	0.6	445	22.0	1.0	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	50.6	-2.9%	1.7	204	2.6	681	74.3	0.6	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	12.7	-2.7%	1.6	170	3.5	919	13.8	0.5	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	9.6	-6.1%	2.1	74	2.1	482	19.9	0.7	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.6	-1.5%	0.7	2,468	0.5	418	140.2	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	16.6	-5.1%	1.5	603	4.4	56	293.8	4.1	2.0%	1.3%
PHR	KCN	41.8	-5.0%	1.2	230	0.8	6,568	6.4	1.6	15.4%	26.9%
SZC	KCN	31.8	-6.9%	1.6	156	2.6	1,405	22.7	2.4	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	17.0	-1.2%	2.2	426	5.4	(2,105)	-8.1	1.0	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.2	-1.8%	1.4	173	0.1	176	63.4	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	17.5	-2.8%	2.4	188	4.9	(2,655)	-6.6	0.9	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	52.3	-4.4%	0.9	142	0.5	5,309	9.9	1.3	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	21.0	-3.9%	1.7	65	1.4	1,482	14.2	0.8	3.0%	5.8%
NVL	BDS	12.9	-3.0%	2.0	1,024	10.0	(295)	-43.7	0.6	3.8%	1.9%
DXG	BDS	16.6	0.0%	2.7	413	13.8	(317)	-52.5	0.7	18.5%	3.4%
HDC	BDS	29.7	-3.4%	1.3	163	2.8	2,190	13.6	2.2	2.0%	16.9%
DIG	BDS	20.2	-0.2%	2.7	501	19.9	152	132.7	1.6	5.6%	1.1%
IJC	BDS	11.5	-6.5%	1.9	118	0.7	1,597	7.2	0.8	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	17.4	-2.2%	1.6	0	7.4	1,596	10.9	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	22.0	-6.8%	0.7	289	8.2	2,993	7.3	0.8	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	25.6	-1.9%	1.6	84	0.2	1,353	18.9	1.6	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	21.0	-4.5%	1.0	102	0.4	1,980	10.6	1.4	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	52.6	-3.7%	0.8	875	0.8	6,445	8.2	1.1	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	17.3	-6.7%	1.7	600	14.8	384	45.0	0.8	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	22.6	-1.5%	0.6	265	0.2	2,560	8.8	1.4	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	25.2	-2.7%	1.5	314	1.0	2,739	9.2	1.2	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	23.7	-6.7%	1.6	261	3.4	944	25.1	1.2	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	12.2	-3.2%	0.7	169	0.2	636	19.1	0.7	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	7.0	-6.5%	2.6	152	1.4	(79)	-89.2	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	56.7	-6.7%	0.4	2,960	1.9	3,518	16.1	3.0	62.3%	18.7%
QNS	F&B	43.9	-3.1%	0.5	0	1.3	4,965	8.8	2.0	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	87.0	0.7%	1.1	482	3.4	(327)	-265.8	7.4	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	42.0	-7.0%	2.2	286	4.5	2,984	14.1	3.2	23.6%	21.9%
DBC	F&B	18.0	-7.0%	1.9	178	2.5	551	32.8	0.9	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	21.0	-6.9%	2.4	91	0.4	837	25.2	1.2	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.0	0.0%	0.7	134	2.4	1,225	18.7	1.9	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	24.6	-6.8%	1.8	133	2.9	2,162	11.4	1.2	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	23.5	-5.2%	0.5	128	0.8	1,370	17.2	1.0	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	27.9	-7.0%	1.2	120	4.7	5,742	4.9	1.0	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	71.1	-2.1%	1.3	331	0.8	4,238	16.8	5.0	9.7%	32.1%
TNG	Đệt may	17.8	-1.1%	1.3	82	1.3	2,353	7.6	1.3	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639